

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH L**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 24 - 5 - 2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ - TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Minh Thọ

2. Bà Mai Lương Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ - tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ - tỉnh L tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh L; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 529/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2021/QĐST - HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 và Thông báo thay đổi thời gian số 420/TB - TA ngày 07 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Phạm Hải S**, sinh năm: 1961 (có mặt).

Địa chỉ: Số 2C, đường 3 tháng 4, Phường C, thành phố Đ, tỉnh L.

Hiện trú tại: đường N, Phường D, thành phố Đ, tỉnh L.

Bị đơn: Bà **Dương Thị Đạm T**, sinh năm: 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Số 2C, đường 3 tháng 4, Phường C, thành phố Đ, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trình bày của nguyên đơn ông Phạm Hải S thì: Về quan hệ hôn nhân ông và bà T kết hôn với nhau vào năm 1989, có đăng ký kết hôn tại UBND nhân dân Phường K, thành phố Đ, tỉnh L, hôn nhân

tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với nhau tại 17, đường N, Phường K, thành phố Đ, một thời gian sau chuyển về địa chỉ: Số 2C đường 3/4, Phường C, thành phố Đ, tỉnh L. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 23 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, lối sống không hòa hợp nên thường xảy ra xung đột; mâu thuẫn giữa ông và bà T đã trầm trọng từ năm 2012, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Ông và bà T đã sống ly thân nhau từ năm 2016 và thời gian đó ông đã gửi đơn xin ly hôn đến Tòa án nhân dân thành phố Đ để được ly hôn, nhưng Tòa đã bác yêu cầu của ông, quá trình do buồn chán nên ông đã có mối quan hệ quen biết với một người phụ nữ khác và đã có con riêng với người này. Tuy nhiên ông khẳng định nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông và bà T đã có từ trước đó. Sau đó khi Tòa án bác yêu cầu xin ly hôn của ông thì vào đầu năm 2020 ông gửi đơn xin ly hôn lần 2, nhưng do thời gian đó ông bận công việc nên chưa liên hệ đến Tòa để giải quyết đơn cho ông được. Nay ông tiếp tục gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T, hiện nay ông đã chuyển ra sống ở nhà trọ tại đường N, Phường D, thành phố Đ, tỉnh L; ông xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà T không còn, nguyện vọng của ông xin được ly hôn với bà T. Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung là Phạm Thị T L, sinh ngày 03/12/1991 và Phạm Anh Q, sinh ngày 19/12/1994. Hiện các con đã trưởng thành nên ông không có yêu cầu gì. Về tài sản chung: Ông xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Ông xác định không có, việc bà T cho rằng vợ chồng có nợ của con gái Phạm Thị T L số tiền 155.000.000đ và nợ của con trai Phạm Anh Q 03 chỉ vàng là hoàn toàn không có, còn đối với khoản nợ Ngân hàng Vietinbank là khoản nợ riêng của ông, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và lời trình bày của bị đơn bà Dương Thị Dạm T thì: Bà và ông Phạm Hải S đăng ký kết hôn với nhau vào năm 1989, trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường K, thành phố Đ. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với nhau tại số 17, đường N, Phường K, thành phố Đ, một thời gian sau chuyển về địa chỉ: Số 2C, đường 3 tháng 4, thành phố Đ, tỉnh L như trình bày của ông S. Tuy nhiên cuộc sống chung của vợ chồng bà chỉ có những mâu thuẫn nhỏ nhặt hàng ngày, do ông S hiện nay ngoại tình và có con riêng với một người phụ nữ khác tên Th và bị người phụ nữ này gây áp lực nên ông S mới phải yêu cầu ly hôn. Từ tháng 8 năm 2020 thì vợ chồng bà mới sống ly thân. Nay ông S làm đơn xin ly hôn thì bà không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông S vì giữa bà và ông S không xảy ra mâu thuẫn gì trầm trọng. Dù ông S có quan hệ với cô Th và hai người đã có con riêng, nhưng bà đồng ý tha thứ để vợ chồng quay về

chung sống để hàn gắn tình cảm. Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung là Phạm Thị T L, sinh ngày 03/12/1991 và Phạm Anh Q, sinh ngày 19/12/1994, hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Bà thống nhất để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Nợ con gái Phạm Thị T L số tiền 155.000.000đ và nợ con trai Phạm Anh Q 03 chỉ vàng; Nhà đất tại địa chỉ: 2C đường Ba Tháng Tư, Phường 3, thành phố Đà Lạt là tài sản chung của vợ chồng nhưng ông S đã đem đi thế chấp tại Ngân hàng Vietinbank để vay một khoản tiền, tuy nhiên khoản vay bao nhiêu thì bà không biết và hiện tại bà không có chứng cứ gì chứng minh cho các khoản nợ trên. Ngoài các khoản nợ chung như trên thì vợ chồng không còn khoản nợ chung nào khác.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, ông Phạm Hải S xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà Dương Thị Đạm T. Về con chung đã trưởng thành nên không có yêu cầu gì. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, về nợ chung ông xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Dương Thị Đạm T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông S và vẫn giữ nguyên yêu cầu xin đoàn tụ vợ chồng, về con chung đã trưởng thành nên không có yêu cầu gì, về tài sản chung thống nhất để vợ chồng tự thỏa thuận, về nợ chung bà vẫn giữ nguyên ý kiến như trình bày trước đây, tuy nhiên bà không cung cấp được chứng cứ gì nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, các đương sự và Hội đồng xét xử. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của ông S, xử cho ông S được ly hôn với bà T; Về con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết; Về tài sản chung các đương sự xác định tự thỏa thuận nên không xem xét; Về nợ chung ông S xác định không có; Còn bà T xác định vợ chồng có nợ của chị Phạm Thị T L số tiền 155.000.000đ và nợ của anh Phạm Anh Q 03 chỉ vàng, nhưng bà T không đưa ra được chứng cứ và chị L, anh Q cũng không có văn bản ý kiến yêu cầu gì đối với các khoản nợ mà bà T trình bày do đó không xem xét; còn đối với khoản nợ của Ngân hàng Công thương Việt Nam (Vietinbank) - chi nhánh L - phòng giao dịch Đ, qua biên bản xác minh ngày 23/02/2021 thể hiện ông S có vay của Ngân hàng 590.000.000đ thế chấp tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên của ông S, ngân hàng xác định đây là khoản nợ riêng của ông S và ông S vẫn đang thực hiện nghĩa vụ trả

nợ, do đó ngân hàng không có yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ trên trong vụ án này nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giữa ông Phạm Hải S và bà Dương Thị Đạm T kết hôn với nhau năm 1989, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nên xác định quan hệ tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại Phường 3, thành phố Đà Lạt, nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông S và bà T kết hôn vào năm 1989 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường K, thành phố Đ. Theo trình bày của ông S thì cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được 23 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên toà, ông S xác định không còn tình cảm với bà T và giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Còn bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu được đoàn tụ vợ chồng. Xét thấy vào ngày 01/11/2016 Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt đã thụ lý vụ án xin ly hôn theo đơn yêu cầu của ông S, theo nội dung bản án số 06/2018/HNGĐ - ST ngày 12/01/2018 Tòa án đã không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông S. Nay ông S tiếp tục gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn; mặt khác theo trình bày của các đương sự thì từ năm 2016 ông S đã có mối quan hệ với người phụ nữ khác và đã có con riêng, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian. Mặc dù bà T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và có nguyện vọng được đoàn tụ gia đình, tuy nhiên quá trình Tòa án hòa giải cũng như tại phiên tòa xét xử giữa các bên không tìm được tiếng nói chung, luôn cãi vã xúc phạm lẫn nhau, ông S cương quyết giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn để ổn định cuộc sống sau này. Vì vậy, nếu cứ kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông S, xử cho ông S và bà T được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[2.2] Về con chung: Giữa ông S và bà T có 02 con chung là Phạm Thị T L, sinh ngày 03/12/1991 và Phạm Anh Q, sinh ngày 19/12/1994. Các con đã trưởng thành và phát triển thể chất tinh thần bình thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]: Về nợ chung: Ông S xác định vợ chồng không có nợ chung. Còn bà T cho rằng vợ chồng có nợ chung của con gái Phạm Thị T L số tiền 155.000.000đ, nợ con trai Phạm Anh Q 03 chỉ vàng, tuy nhiên bà T không đưa ra được chứng cứ gì; mặt khác quá trình chị L và anh Q đã được tòa án tổng đạt hợp lệ thủ tục để chị L, anh Q làm đơn khởi kiện theo quy định, nhưng chị L và anh Q không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án. Còn đối khoản nợ ông S nợ của Ngân hàng Công thương Việt Nam (Vietinbank) - chi nhánh L - phòng giao dịch Đ, quá trình giải quyết vụ án phía ngân hàng có văn bản gửi cho Tòa án xác định ông S có nợ của Ngân hàng số tiền 590.000.000đ, nhưng đây là nợ riêng của ông S và ông S đang thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn, nên không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này, vì vậy đối với các khoản nợ nêu trên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này, nếu sau này các bên có tranh chấp thì phía thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Ông S phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Hải S.

Xử:

1/Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Phạm Hải S và bà Dương Thị Đạm T được ly hôn.

2/Về án phí: Ông Phạm Hải S phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2017/0003057 ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, ông S đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án (24/5/2021) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND tp. Đ;
- Chi cục THADS tp. Đ;
- UBND Phường 9, tp.Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Trần Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lan

